

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BH
TỈNH ĐN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **581/2021/HS-ST**
Ngày: 31/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BH, TỈNH ĐN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Q

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái H

Bà Thiều Thị Phi L .

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN tham gia phiên tòa:* Ông Lê Duy B – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 583/2021/TLST - HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 578/2021/QĐXXST - HS ngày 17/12/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tú A; Sinh năm 1991; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: tổ 9, khu phố 3A, phường Trảng Dài, thành phố BH, tỉnh ĐN. Chỗ ở hiện nay: Không có nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn C , sinh năm 1952 (còn sống) và bà: Nguyễn Thị T An, sinh năm: 1967 (còn sống). Bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có vợ Trần Thị L , sinh năm 1992 và có 01 con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền sự, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh ĐN. (Có mặt).

* Bị hại: chị **Phan Thị H**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: C3, khu phố 4, phường TH, thành phố Biên Hoà, tỉnh ĐN.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 45 phút ngày 09 tháng 8 năm 2021, Nguyễn Tú A đi bộ ngang qua khu vực trước nhà bà Phan Thị H, sinh năm 1988 tại địa chỉ C3, khu phố 4, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN thì phát hiện thấy có 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 37E1-197.34 của bà H đang dựng phía trước nhà, trên xe cắm sẵn chìa khóa và không thấy có người trông coi nên A nảy sinh ý định trộm cắp. Thực hiện ý định trên, A lén lút đi vào rồi ngồi lên xe, nổ máy và điều khiển xe

chạy đi thì bị bà H phát hiện, đuổi theo và tri hô. Lúc này, có anh Võ Văn Đ, sinh năm 1989 đang điều khiển xe đi ngang qua nghe thấy tiếng tri hô nên đã điều khiển xe đuổi theo A, khi đến đoạn đường gần Công ty Bitis thuộc phường TH thì được sự hỗ trợ thêm của anh Lê Văn A1, sinh năm 1992 nên đã bắt giữ được A, giao cho Công an phường TH lập hồ sơ, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH khởi tố, điều tra xử lý.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng mô tả. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo.

Về các vấn đề khác của vụ án: Bản kết luận định giá tài sản số 369/KL-HĐĐGTS ngày 11/8/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 chiếc xe mô tô, gắn máy hiệu Sirius biển số 37E1-197.34 trị giá 8.280.000 đồng (Tám triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 37E1-197.34, thu giữ khi bị cáo A thực hiện hành vi trộm cắp là tài sản của bà Phan Thị H bị chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH đã giao trả chiếc xe trên cho chị Phan Thị H.

Về dân sự: Bị hại chị Phan Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 598/CT - VKSBH ngày 25/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH đã truy tố bị cáo Nguyễn Tú A về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Tú A phạm tội “Trộm cắp tài sản” và, xử phạt bị cáo Nguyễn Tú A mức án từ: 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù giam.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của bị cáo là sai, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để về lo cho cha mẹ, vợ con và trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố BH, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tú A đã khai nhận: Vào khoảng 11 giờ 45 phút ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại khu vực trước nhà địa chỉ C3, khu phố 4, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe

mô tô hiệu Sirius biển số 37E1-197.34, trị giá 8.280.000 đồng (Tám triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng) của bà Phan Thị H thì bị bắt giữ cùng tang vật giao cho Công an phường TH lập biên bản bắt người phạm tội quả tang giao Công an thành phố BH xử lý theo quy định. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai người bị hại và người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Tú A đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 598/CT - VKSBH ngày 25/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, nhưng không chịu tìm việc làm mà lại đi vào con đường phạm tội để có tiền tiêu xài. Vì vậy, cần thiết xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có;

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình phạt đối với bị cáo, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Tú đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa của bị cáo cho thấy bị cáo không có thu nhập và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phan Thị H không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 37E1-197.34 là tài sản thuộc sở hữu của bà Phan Thị H nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Hương là phù hợp.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tú A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và xử phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tú A: 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2021.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo Anh phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Q

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh ĐN (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.BH (2);
- Công an TP.BH (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo, đương sự (3);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Q

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Q

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh ĐN (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.BH (2);
- Công an TP.BH (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo, đương sự (3);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Quỳnh